

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày: 21-02-2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Đình.

Bà Trương Thị Hải.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai – Công chức Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Phạm Thị T, tên gọi khác: Út. Sinh năm: 1974, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S (chết) và bà Mai Thị R (chết); chồng đã ly hôn: Trần Tấn T; Đang chung sống với Phạm Thành L (chưa đăng ký kết hôn); con: 03 người: lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền sự: không

Tiền án:

- Vào ngày 28/8/1997, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 1985. Xử phạt 04 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/4/2000.

- Vào ngày 27/10/2000, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, xét xử về tội: “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138, điểm b khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm

1999. Xử phạt: “Trộm cắp tài sản” là 02 năm tù và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là 04 năm tù. Tổng hợp hình phạt 06 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/11/2005.

- Vào ngày 28/4/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt 06 năm tù, chưa chấp hành xong án phạt tù.

- Vào ngày 22/7/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt: 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 37/2008/HS-ST ngày 28/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Bị cáo chấp hành hình phạt chung là 8 năm 6 tháng 7 ngày. Chấp hành xong án phạt tù ngày 29/6/2015.

- Vào ngày 28/7/2017, Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xét xử về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt 02 năm tù.

Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Long Hòa, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An từ ngày 13/9/2018 đến ngày 19/02/2019. Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Long An ra quyết định tạm giam từ ngày 20/02/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Phát T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Long An. Có mặt.

- *Người bị hại:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1933.

Cư trú tại: ấp Bình Trị 2, xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn L, sinh năm: 1968. Có mặt.

2. Ông Phạm Thành L, sinh năm: 1985. Có mặt.

Ông L, ông L cùng cư trú tại: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm: 1979.

Cư trú tại: ấp 4, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng T, sinh năm: 1975.

Cư trú tại: phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm: 1979.

Cư trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1988.

Cư trú tại: H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1941. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1978. Vắng mặt.

7. Bà Trần Thị N, sinh năm: 1979. Vắng mặt.

Ông K, ông N, bà N cùng cư trú tại: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

8. Bà Trần Thị G, sinh năm: 1955.

Cư trú tại: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 03/4/2018, Phạm Thị T từ phòng trọ ở thành phố Hồ Chí Minh điều khiển xe mô tô biển số 60B1-069.30 từ thành phố Hồ Chí Minh về tỉnh Bến Tre. Khi đến thành phố Tân An, tỉnh Long An T hỏi người đi đường xem có đường nào tắt về Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang thì có người chỉ đường T chạy xe qua bệnh viện Long An, chạy một lúc T thấy có chỗ bán quần áo trẻ em nên ghé vào mua 07 bộ đồ trẻ em trai giá 120.000 đồng rồi đi tiếp. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, khi T chạy xe đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị A, thuộc ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An, T phát hiện bà A đang bước lên bậc thềm nhà, trên tay có đeo nhẫn vàng, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. T chạy xe vào đậu trước sân nhà bà A và đi đến hàng tư nhà trước, T hỏi thăm sức khỏe bà A và kêu bà A lên đi-văng để T xoa bóp. Bà A đi đến nằm trên đi-văng, T kêu bà A cởi áo ra để T xoa bóp, bấm nguyệt, bà A cởi áo ra, T kéo áo của bà A lại gần, dùng tay lấy tiền trong túi áo bà A bỏ vào túi áo khoác của T. Bà A thấy T lấy tiền nhưng nghĩ rằng xoa bóp xong T sẽ trả lại. T tiếp tục xoa bóp và kêu bà A tháo nhẫn ra thì bà A tháo 2 chiếc nhẫn ra, chiếc nhẫn bên tay trái tháo không được nên T tháo dùm rồi đưa cho bà A cầm 3 chiếc nhẫn ở tay trái. T bước xuống đi-văng, sử dụng một tay vừa đè tay bà A, một tay kéo mạnh các ngón tay của bà A để lấy ba chiếc nhẫn vàng, loại vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ của bà A, chạy ra xe định tẩu thoát, bà A chạy theo kéo lại, hai bên giằng co, lôi kéo vào bên trong nhà, bà A kéo áo T thì T hất mạnh làm bà A té ngã, T chạy ra xe chạy đi được một đoạn kiểm tra tiền lấy được là 7.700.000 đồng (tiền Việt Nam 15 tờ mệnh giá 500.000 đồng và 02 tờ mệnh giá 100.000 đồng). T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 60B1-069.30 đến gởi ở nhà Nguyễn Văn N, địa chỉ ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An, nhờ anh N chở đi tìm xe honda ôm và mua nón bảo hiểm nhưng không có, sau đó T điều khiển xe mô tô 60B1-069.30 đến thành phố T, tỉnh Long An mua một nón bảo hiểm rồi điều khiển xe về thành phố Hồ Chí Minh. T vào tiệm vàng Thuý Anh Đ của chị Nguyễn Thị Diễm T, ở xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh bán 3 chiếc nhẫn vàng (trọng

lượng 3 chỉ vàng 24K) của bà A được 10.030.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng của T được 3.700.000 đồng. T về phòng trọ của mình tại đường L, phường 9, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh đem số tiền trên trả nợ và tiêu xài cá nhân. Trong lúc lấy tài sản của bà A thì bà A cho rằng T dùng cây đánh, nhưng T cho rằng chỉ dùng tay hất làm bà A té ngã.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Châu Thành đã thu giữ gồm: 01 đoạn gỗ dài 0,53m của bà A; của T gồm: 02 khẩu trang, 02 nón bảo hiểm, 01 mắt kính, 01 xe mô tô biển số 60B1- 069.30 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Dũng T, 01 áo khoác nữ, 01 áo thun màu trắng, 01 quần thun màu xám, 02 bao tay bằng vải, 01 khăn đa năng bằng vải, 01 túi xách màu đen, 02 chai dầu, 01 mảnh vải dạng ống, 07 bộ quần áo trẻ em, tiền Việt Nam: 19.000.000 đồng của Phạm Thị T (số tiền ông Phạm Văn L cho Phạm Thị T). Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Châu Thành đã điều tra làm rõ và xử lý vật chứng: Trả cho bà Nguyễn Thị A 01 đoạn gỗ dài 0,53m và số tiền 19.000.000 đồng của Phạm Thị T bồi thường thiệt hại cho bà A.

Kết luận định giá số 18/KL-HĐĐG ngày 19/6/2018, Hội đồng định giá tài sản tổ tụng huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã kết luận: Giá trị định giá 03 chiếc nhẫn (mỗi chiếc có trọng lượng 1 chỉ vàng 24K) là: 10.950.000 đồng.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 59/TgT.18-PY ngày 26/4/2018, của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Long An, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Vùng đầu không sẹo vết thương, không dấu lún sọ.

2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Thị A là: 0% .

Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 1530/2018/KLGĐTC ngày 20/4/2018, của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Y tế, kết luận bà Nguyễn Thị A:

1.1. Về y học: Hiện tại tâm thần bình thường.

1.2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

Trước, trong, sau khi bị cướp tài sản ngày 03/4/2018 cho đến hiện tại đối tượng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị A yêu cầu bồi thường tiền, vàng với tổng số tiền 19.000.000 đồng. Phạm Thị T đã bồi thường xong. Bà A không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKSHCT, ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội “Cướp tài sản” theo điểm e, điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e, điểm h khoản 2 Điều 168, Điều 38, Điều 50, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị T mức án từ 9 năm đến 10 năm tù. Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HS-ST, ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 11 đến 12 năm tù.

Đề nghị trả lại xe mô tô đang tạm giữ cho chủ sở hữu là ông Phạm Văn L và trả lại bị cáo T các tài sản cá nhân đang tạm giữ không liên quan đến việc phạm tội.

Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo vì bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình thuộc hộ nghèo của xã, bị cáo đang nuôi con nhỏ.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị T khai nhận: Do cần tiền điều trị bệnh cho con, khi thấy bà A đeo nhiều nhẫn vàng ở tay nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt vàng của bà A. Bị cáo dùng thủ đoạn kêu bà A nằm xuống để bị cáo xoa bóp, khi phát hiện trong túi áo bà A có tiền bị cáo đã lấy hết số tiền của bà A bỏ vào túi áo bị cáo, rồi tiếp tục kêu bà A cởi 3 chiếc nhẫn vàng đang đeo ở các ngón tay ra, sau đó dùng vũ lực chiếm đoạt 3 chiếc nhẫn vàng của bà A, khi bà A lòi kéo buộc bị cáo trả lại tài sản thì bị cáo xô bà A ngã để tẩu thoát.

Người bị hại bà Nguyễn Thị A khai trình: Do tưởng bị cáo T là thầy thuốc đến để xoa bóp cho bà nên bà đã làm theo lời của bị cáo. Khi thấy bị cáo T lấy tiền trong túi áo của bà, bà tưởng khi xoa bóp xong sẽ trả lại cho bà, nhưng khi bị cáo

dùng vũ lực chiếm đoạt 3 chiếc nhẫn vàng rồi bỏ chạy thì bà mới biết là bị cướp, bà lôi kéo để buộc bị cáo trả lại tài sản thì bị cáo xô bà té ngã để tẩu thoát.

Lời nhận tội của bị cáo Phạm Thị T phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án.

Theo quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự quy định về tội: Cướp tài sản:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ...

e) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ; ...

h) Tái phạm nguy hiểm.”

Xét thấy bị cáo Phạm Thị T đã dùng thủ đoạn để tiếp cận bà A, khi lấy được tài sản thì dùng vũ lực, làm cho bà A không thể chống cự lại được để chiếm đoạt tài sản. Khi bị cáo T lấy số tiền 7.700.000 đồng trong túi áo bà A, bà A tưởng là khi bị cáo xoa bóp xong sẽ trả lại, đến khi bị cáo gỡ tay bà A để chiếm đoạt 3 chiếc nhẫn vàng thì bà A mới biết là bị cướp, bà A chạy theo lôi kéo bị cáo để đòi lại thì bị cáo xô bà A té ngã để tẩu thoát. Tổng số tài sản bị cáo T đã chiếm đoạt của bà A gồm 7.700.000 đồng (VNĐ) và 3 chỉ vàng 24K, theo định giá là 10.950.000 đồng, tổng cộng là 18.650.000 đồng. Bị cáo có nhiều tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này bị cáo thực hiện trong thời gian hoãn thi hành án phạt tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HS-ST, ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và phạm tội với người già (bà A sinh năm 1933). Do đó có đủ căn cứ kết luận, bị cáo Phạm Thị T phạm tội “cướp tài sản” theo quy định tại điểm e, điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản và xâm hại đến sức khỏe của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của địa phương, do đó cần có hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm trừng trị tội phạm và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi; bị cáo đã bồi thường xong các khoản thiệt hại cho người bị hại; gia đình thuộc hộ nghèo của xã, bị cáo đang nuôi con nhỏ; gia đình có người có công với cách mạng, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo

một phần hình phạt, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải sửa bản thân trở thành công dân tốt cho xã hội. Do bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HS-ST, ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, từ ngày 13/9/2018 đến ngày 19/02/2018 là 05 tháng 10 ngày, còn lại phải chấp hành là 01 (một) năm 6 (sáu) tháng 20 (hai mươi) ngày tù, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt để bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Hành vi xô bà A té ngã để tẩu thoát nhưng chưa gây thương tích cho bà A nên không xem xét xử lý hành vi này của bị cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo về tội danh và mức án trên là phù hợp.

Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo là phù hợp nên ghi nhận.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong các khoản thiệt hại cho người bị hại tổng cộng số tiền 19.000.000 đồng, người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Ông Phạm Văn L là cha chồng bị cáo T đã nộp số tiền 19.000.000 đồng để bồi thường cho bị cáo T. Ông Luông không có yêu cầu bị cáo T trả lại nên không xem xét.

[4] Về tài sản tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Những tài sản tạm giữ của bị cáo T gồm: 02 khẩu trang, 02 nón bảo hiểm, 01 mắt kính, 01 áo khoác nữ, 01 áo thun màu trắng, 01 quần thun màu xám, 02 bao tay bằng vải, 01 khăn đa năng bằng vải, 01 túi xách màu đen, 02 chai dầu, 01 mảnh vải dạng ống, 07 bộ quần áo trẻ em. Đây là những tài sản cá nhân của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội nên cần giao trả lại cho bị cáo.

Đối với xe mô tô biển số 60B1- 069.30 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Dũng T, xe này do ông Phạm Văn L đưa tiền cho ông Phạm Thành L mua sử dụng làm phương tiện đi lại, chưa sang tên, T sử dụng vào việc phạm tội nhưng ông L, L không biết, nên cần tuyên giao trả xe lại cho chủ sở hữu là ông Phạm Văn L.

Đối với những người mua bán xe mô tô biển số 60B1- 069.30 và người đứng tên giấy đăng ký xe là ông Nguyễn Văn Dũng T, khai trình hiện nay đã bán chiếc xe mô tô này, không còn trách nhiệm, nên không xem xét.

Các tài sản tạm giữ trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng vụ án ngày 10/9/2018.

[5] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Cướp tài sản”.
- Áp dụng điểm e, điểm h khoản 2 Điều 168, Điều 38, Điều 50, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị T **09 (chín) năm** tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HS-ST, ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre phần còn lại phải chấp hành là 01 (một) năm 6 (sáu) tháng 20 (hai mươi) ngày tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **10 (mười) năm 06 (sáu) tháng 20 (hai mươi) ngày** tù. Thời gian tù được tính từ ngày tạm giam là ngày 20/02/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Thị T 45 ngày, kể từ ngày tuyên án, để đảm bảo việc thi hành án.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên giao trả lại cho bị cáo Phạm Thị T các tài sản cá nhân, gồm: 02 khẩu trang, 02 nón bảo hiểm, 01 mắt kính, 01 áo khoác nữ, 01 áo thun màu trắng, 01 quần thun màu xám, 02 bao tay bằng vải, 01 khăn đa năng bằng vải, 01 túi xách màu đen, 02 chai dầu, 01 mảnh vải dạng ống, 07 bộ quần áo trẻ em.

- Tuyên giao trả lại cho ông Phạm Văn L 01 xe mô tô biển số 60B1- 069.30 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Dũng T.

Các tài sản trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng vụ án ngày 10/9/2018.

Về án phí: Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Bị cáo; Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thái